

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 – 40
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 40

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **96.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất bông tằm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 40).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Viện	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Sinh Quyền	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền



Số: 70./2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206.234.257.566	197.266.616.382
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		913.219.566	922.926.874
1.	Tiền	111	V.01	913.219.566	922.926.874
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.000.000.000	7.060.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	7.060.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.545.563.268	107.454.606.646
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	84.524.360.890	77.971.908.023
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.068.552.295	11.766.183.559
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	11.700.000.000	12.000.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	8.252.650.083	5.716.515.064
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	85.924.731.170	76.927.659.040
1.	Hàng tồn kho	141		85.924.731.170	76.927.659.040
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.850.743.562	4.901.423.822
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	373.007.822	196.361.906
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.477.735.740	4.705.061.916
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.756.223.250	92.053.030.054
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.332.845.400	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.332.845.400	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		98.818.143.733	77.634.302.609
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	75.806.707.880	77.617.564.275
	- Nguyên giá	222		107.892.339.917	99.515.916.608
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.085.632.037)	(21.898.352.333)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	23.011.435.853	-
	- Nguyên giá	225		23.652.466.363	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(641.030.510)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	16.738.334
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.554.000)	(31.815.666)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	11.158.714.020	1.262.297.537
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.158.714.020	1.262.297.537
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	6.100.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	6.100.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.446.520.097	7.056.429.908
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4.446.520.097	7.056.429.908
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		322.990.480.816	289.319.646.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

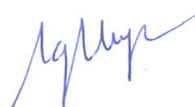
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		216.526.391.525	189.022.293.707
I.	Nợ ngắn hạn	310		172.940.329.771	136.893.842.785
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.595.485.838	35.188.436.670
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.124.307.666	6.706.791.547
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.611.489.120	3.182.048.401
4.	Phải trả người lao động	314		-	10.215.465
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	274.057.103	259.413.338
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	650.465.472	669.862.733
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	718.086.894	402.080.054
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	137.677.466.116	90.474.994.577
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		288.971.562	-
II.	Nợ dài hạn	330		43.586.061.754	52.128.450.922
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	43.586.061.754	52.128.450.922
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.464.089.291	100.297.352.729
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	106.464.089.291	100.297.352.729
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		461.695.416	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.002.475.965	4.297.352.729
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.143.114.189	(2.424.714.831)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.859.361.776	6.722.067.560
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(82.090)	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		322.990.480.816	289.319.646.436

Người lập biểu



Trịnh Thị Luân

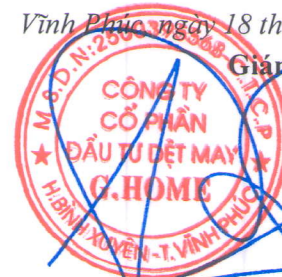
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	300.889.946.016	227.138.049.860
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		300.889.946.016	227.138.049.860
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	265.670.562.195	200.701.915.961
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.219.383.821	26.436.133.899
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.452.713.309	699.869.416
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	14.072.433.422	13.057.918.589
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.143.853.786	12.688.927.047
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	2.830.828.122	3.591.770.985
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	4.351.273.306	2.396.472.159
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.417.562.280	8.089.841.582
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	11.603.149	202.273.243
13.	Chi phí khác	32	VI.06	372.082.082	598.648.611
14.	Lợi nhuận khác	40		(360.478.933)	(396.375.368)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.057.083.347	7.693.466.214
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.398.363.296	1.922.273.507
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.658.720.051	5.771.192.707
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.658.802.141	-
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(82.090)	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	1.214	Không áp dụng
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	1.214	Không áp dụng

Người lập biểu

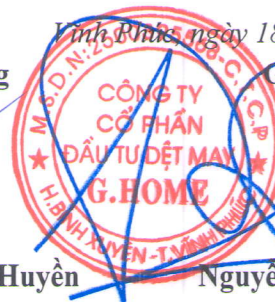
Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		307.947.723.093	243.823.835.826
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(277.067.579.281)	(275.331.338.460)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.454.008.483)	(15.802.226.050)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(13.129.210.021)	(12.429.513.709)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(325.783.232)	(351.869.623)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.194.053.962	47.291.519.359
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.362.415.046)	(1.230.317.651)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.197.219.008)	(14.029.910.308)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(18.272.839.792)	(22.423.651.444)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	60.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.700.000.000)	(31.673.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	21.444.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.160.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.160.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.309.970.768	594.550.861
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.502.869.024)	(45.158.100.583)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	30.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		224.632.774.858	193.648.917.212
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(203.814.811.358)	(164.067.538.781)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.039.582.776)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.088.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.690.380.724	59.581.378.431
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.707.308)	393.367.540
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		922.926.874	529.559.334
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		913.219.566	922.926.874

Người lập biểu

Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Texnam	Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.	95%	95%	0%

- Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây	Thôn 6 xã Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội.	0%	0%	38,13%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

04. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

05. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

06. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

07. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao theo thời gian thuê trên hợp đồng thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

20/11/2023
H
N
S
V
T
P
O
A
T
P
10/11/2023
N
E

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a) Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b) Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	831.185.924	419.630.423
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.033.642	503.296.451
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	913.219.566	922.926.874

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 án thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

l. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	7.060.000.000	-
Công ty CP Khai thác và Chế biến lâm sản Hoàng Phát	-	-	4.500.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Đông Dương	-	-	2.560.000.000	-
Cộng	-	-	7.060.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết + Công ty Cổ phần May và Xuất khẩu Sơn Tây (!)	-	-	6.100.000.000	-
Cộng	-	-	6.100.000.000	-

); Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	84.524.360.890	77.971.908.023
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lan Vinh	7.669.719.713	29.141.655.174
- Công ty Cổ phần May và XNK Sơn Tây	5.490.422.550	13.820.422.550
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	16.061.691.600	127.370.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	55.302.527.027	34.882.460.299
Cộng	84.524.360.890	77.971.908.023

04. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	11.700.000.000	-	12.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tuấn Lợi (*)	-	-	12.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Lan Vinh (**)	11.700.000.000	-	-	-
Cộng	11.700.000.000	-	12.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Tuấn Lợi vay theo hợp đồng vay tiền ngày 30 tháng 9 năm 2014 thời hạn vay 06 tháng và phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian vay đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 với lãi suất 10%/năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện thu hồi cả gốc và lãi cho vay theo thời hạn của hợp đồng.

(**): Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần thương mại và du lịch Lan Vinh vay theo hợp đồng số 01/2015/HĐVT-TL ngày 31 tháng 12 năm 2015, thời hạn cho vay 01 năm, lãi suất cho vay là 6%/năm.

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.252.650.083	-	5.716.515.064	-
- Tạm ứng	6.539.802.889	-	3.522.189.611	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	408.290.455	-	-	-
- Phải thu khác	1.304.556.739	-	2.194.325.453	-
+ Công ty TNHH Tuấn Lợi (Lãi vay)	-	-	306.666.000	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	1.304.556.739	-	1.260.459.201	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	627.200.252	-
b. Dài hạn	2.332.845.400	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.332.845.400	-	-	-
Cộng	10.585.495.483	-	5.716.515.064	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	48.492.937.938	-	38.183.474.777	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.025.680.910	-	2.365.580.986	-
- Thành phẩm	3.921.011.345	-	11.435.187.547	-
- Hàng hoá	13.519.964.253	-	6.869.626.727	-
- Hàng gửi bán	18.965.136.724	-	18.073.789.003	-
Cộng	85.924.731.170	-	76.927.659.040	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	-
- Xây dựng cơ bản	11.158.714.020	1.262.297.537
+ Công trình đường bê tông, nhà ăn	-	1.262.297.537
+ Công trình Nhà điều hành	4.679.475.464	-
+ Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng nhà máy sản xuất vải không dệt Phú Thọ	6.479.238.556	-
Cộng	11.158.714.020	1.262.297.537

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 án thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	26.793.699.734	69.666.596.876	3.055.619.998	99.515.916.608
- Mua trong năm	-	6.310.689.409	721.181.818	7.031.871.227
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.344.552.082	-	-	1.344.552.082
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	28.138.251.816	75.977.286.285	3.776.801.816	107.892.339.917
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.627.526.698	18.453.031.033	817.794.602	21.898.352.333
- Khấu hao trong năm	1.216.840.789	8.470.222.916	500.215.999	10.187.279.704
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.844.367.487	26.923.253.949	1.318.010.601	32.085.632.037

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	24.166.173.036	51.213.565.843	2.237.825.396	77.617.564.275
2. Tại ngày cuối năm	24.293.884.329	49.054.032.336	2.458.791.215	75.806.707.880

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 69.815.710.977 VND và 54.896.645.150 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 52.226.400 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Thuê tài chính trong năm	23.652.466.363	23.652.466.363
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	23.652.466.363	23.652.466.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	641.030.510	641.030.510
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	641.030.510	641.030.510
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	23.011.435.853	23.011.435.853

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	48.554.000	48.554.000
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	31.815.666	31.815.666
- Khấu hao trong năm	16.738.334	16.738.334
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	48.554.000	48.554.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	16.738.334	16.738.334
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

112
 CH
 JNC
 CH
 CH
 AK
 NA
 GI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	373.007.822	196.361.906
- Chi phí bảo hiểm, bảo trì đường bộ	185.935.884	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	187.071.938	196.361.906
b. Dài hạn	4.446.520.097	7.056.429.908
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.393.404.670	2.449.065.242
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.053.115.427	4.607.364.666
Cộng	<u>4.819.527.919</u>	<u>7.252.791.814</u>

03
NH
T
VU
NH
IEM
M
Y

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 an thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	90.474.994.577	90.474.994.577	237.653.017.021	190.450.545.482	137.677.466.116	137.677.466.116
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	<i>90.474.994.577</i>	<i>90.474.994.577</i>	<i>219.876.563.946</i>	<i>190.450.545.482</i>	<i>119.901.013.041</i>	<i>119.901.013.041</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	43.853.247.060	43.853.247.060	95.113.936.741	91.458.633.810	47.508.549.991	47.508.549.991
- Ngân hàng TMCP Đại chúng VN CN Đống Đa ^(b)	-	-	22.416.320.676	-	22.416.320.676	22.416.320.676
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hội sở chính ^(c)	46.621.747.517	46.621.747.517	102.346.306.529	98.991.911.672	49.976.142.374	49.976.142.374
<i>Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>14.443.906.200</i>	<i>-</i>	<i>14.443.906.200</i>	<i>14.443.906.200</i>
- Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (VND)	-	-	1.702.735.000	-	1.702.735.000	1.702.735.000
- Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	-	-	1.510.411.200	-	1.510.411.200	1.510.411.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hội sở chính	-	-	11.092.760.000	-	11.092.760.000	11.092.760.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng VN CN Đống Đa	-	-	138.000.000	-	138.000.000	138.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.332.546.875</i>	<i>-</i>	<i>3.332.546.875</i>	<i>3.332.546.875</i>
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	-	-	2.589.013.358	-	2.589.013.358	2.589.013.358
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	-	-	743.533.517	-	743.533.517	743.533.517
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	52.128.450.922	52.128.450.922	30.670.983.415	39.213.372.583	43.586.061.754	43.586.061.754
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>52.128.450.922</i>	<i>52.128.450.922</i>	<i>4.929.438.706</i>	<i>27.837.089.194</i>	<i>29.220.800.434</i>	<i>29.220.800.434</i>
<i>a.1 Vay ngân hàng</i>	<i>52.128.450.922</i>	<i>52.128.450.922</i>	<i>4.929.438.706</i>	<i>27.837.089.194</i>	<i>29.220.800.434</i>	<i>29.220.800.434</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(d)	7.806.609.500	7.806.609.500	-	3.673.467.000	4.133.142.500	4.133.142.500

HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 lần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND					
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) (e)	3.579.936.000	3.579.936.000	173.227.794	2.997.958.194	755.205.600	755.205.600
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hội sở chính (f)	40.741.905.422	40.741.905.422	4.206.210.912	20.947.164.000	24.000.952.334	24.000.952.334
- NH TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa (g)	-	-	550.000.000	218.500.000	331.500.000	331.500.000
2.2. Nợ thuế tài chính			25.741.544.709	11.376.283.389	14.365.261.320	14.365.261.320
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) ^(h)	-	-	22.355.019.160	9.719.838.079	12.635.181.081	12.635.181.081
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) ^(k)	-	-	3.386.525.549	1.656.445.310	1.730.080.239	1.730.080.239
Cộng	142.603.445.499	142.603.445.499	268.324.000.436	229.663.918.065	181.263.527.870	181.263.527.870
Chi tiết số dư vay ngoại tệ	Số cuối năm		Số đầu năm			
a. Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	67.040,00		-			
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	32.987,29		-			
b. Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng						
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	33.520,00		167.600,00			
- Nợ thuế tài chính						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	76.756,00		-			
Cộng	210.303,29		167.600,00			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 37.15.058.946980 ngày 21 tháng 7 năm 2015 với giá trị hạn mức: Tối đa tại mọi thời điểm là 65.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 50.000.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 04 bất động sản của bên thứ ba, hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty.
- (b): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HÐHMTD-TCKT-04/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động; lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng phát hành trị giá 3.000.000.000 đồng, thế chấp quyền đòi nợ từ 06 đối tác nước ngoài, thế chấp hàng hóa đã được giao cho đối tác trung gian, chưa chuyển bộ chứng từ gốc cho đối tác nhập khẩu và thế chấp hàng tồn kho luân chuyển đối với các mặt hàng xơ nguyên liệu và bông thành phẩm tại tất cả các kho hàng (trừ hàng hóa là mặt hàng bông, đệm đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Quân đội).
- (c): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 150027/HÐCTD.SGD.NHNT ngày 02 tháng 02 năm 2015, với hạn mức 50.000.000.000 để bổ sung vốn lưu động; lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.
- (d): Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (e): Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.560 USD.
- (f): Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tấm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 8,8% đến 11,1%/năm.
- (g): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HÐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- (h): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- (k): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,65810%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	8.306.629.139	262.892.625	8.043.736.514
Trên 5 năm	-	-	-
Cộng	8.306.629.139	262.892.625	8.043.736.514

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 an thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	22.595.485.838	22.595.485.838	35.188.436.670	35.188.436.670
- B&P Co.,Ltd	3.920.220.000	3.920.220.000	3.716.640.000	3.716.640.000
- Công ty CP và ĐT Vương Ngọc Anh	600.500.000	600.500.000	2.015.261.600	2.015.261.600
- Công ty Cổ phần Melio Việt Nam	2.217.419.490	2.217.419.490	9.852.963.315	9.852.963.315
- Công ty Cổ phần Shinhhan Vina	2.198.546.097	2.198.546.097	1.805.684.397	1.805.684.397
- Guangxi Candently Import And Export Co., LTD	3.266.850.000	3.266.850.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	10.391.950.251	10.391.950.251	17.797.887.358	17.797.887.358
Cộng	22.595.485.838	22.595.485.838	35.188.436.670	35.188.436.670

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	147.555.649	3.351.664	-	144.203.985
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.921.589.200	3.398.363.296	642.842.889	-	4.677.109.607
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	163.186.789	48.000	-	163.138.789
- Các loại thuế khác	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
Cộng	-	3.182.048.401	4.710.653.308	1.281.212.589	-	6.611.489.120



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>274.057.103</u>	<u>259.413.338</u>
- Chi phí lãi vay	274.057.103	259.413.338
Cộng	<u>274.057.103</u>	<u>259.413.338</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>718.086.894</u>	<u>402.080.054</u>
- Bảo hiểm xã hội	718.086.894	344.880.054
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	57.200.000
Cộng	<u>718.086.894</u>	<u>402.080.054</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>650.465.472</u>	<u>669.862.733</u>
- Doanh thu nhận trước	650.465.472	669.862.733
Cộng	<u>650.465.472</u>	<u>669.862.733</u>

THÔNG TIN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	36.000.000.000	-	(1.473.839.978)	-	34.526.160.022
- Tăng vốn trong năm trước	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	5.771.192.707	-	5.771.192.707
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	-	4.297.352.729	-	100.297.352.729
Số dư đầu năm nay	96.000.000.000	-	4.297.352.729	-	100.297.352.729
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	11.658.802.141	-	11.658.802.141
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	461.695.416	(5.953.678.905)	-	(5.491.983.489)
- Giảm khác	-	-	-	(82.090)	(82.090)
Số dư cuối năm nay	96.000.000.000	461.695.416	10.002.475.965	(82.090)	106.464.089.291

(*): Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm như sau:

	Phân phối lợi nhuận năm 2014 (!)	Tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 (!)
	VND	
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	461.695.416	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	288.559.635	-
- Trích quỹ thường Ban Quản lý điều hành	57.711.927	-
- Trích cổ tức chi trả	288.559.635	4.799.440.365
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	57.711.927	-
Tổng phân phối lợi nhuận	1.154.238.540	4.799.440.365

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(!): Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần đầu tư Dệt may G.Home.

(!!): Tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	96.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%
+ Công ty CP Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	37,50%	36.000.000.000	37,50%
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	27,81%	26.700.000.000	27,81%
+ Các đối tượng khác	33.300.000.000	34,69%	33.300.000.000	34,69%
Cộng	96.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	60.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	288.559.635	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	4.799.440.365	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	461.695.416	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	461.695.416	-

203
H NH
GT
VỤ
INH
KIỂM
AM
ẤY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.556,81	14.160,10

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	119.250.805.594	41.555.872.552
- Doanh thu bán thành phẩm	169.363.382.034	184.323.322.043
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.275.758.388	1.258.855.265
Cộng	<u>300.889.946.016</u>	<u>227.138.049.860</u>

Doanh thu đối với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	789.000.000	626.699.133
+ Cho thuê máy móc	789.000.000	626.699.133
- Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home	-	745.405.000
+ Bán hàng	-	745.405.000
Cộng	<u>789.000.000</u>	<u>1.372.104.133</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	115.514.571.335	33.119.812.346
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	138.478.103.395	163.939.615.429
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.677.887.465	3.642.488.186
Cộng	<u>265.670.562.195</u>	<u>200.701.915.961</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.003.304.768	594.550.861
- Lãi bán các khoản đầu tư	35.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	414.408.541	105.318.555
Cộng	<u>1.452.713.309</u>	<u>699.869.416</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	13.143.853.786	12.688.927.047
- Lãi tiền thuê tài chính	158.991.789	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	665.687.011	333.392.767
- Chi phí tài chính khác	103.900.836	35.598.775
Cộng	<u>14.072.433.422</u>	<u>13.057.918.589</u>

1620
 ANH
 (TN
 TUV
 KET
 TO
 VIET
 -T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
05. Thu nhập khác			
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
- Các khoản khác		11.603.149	202.273.243
Cộng		11.603.149	202.273.243
06. Chi phí khác			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế GTGT không được hoàn		215.434.762	-
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		-	41.799.370
- Chi phí bồi thường		-	106.846.771
- Các khoản bị phạt chậm nộp thuế		45.665.079	-
- Các khoản bị phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội		36.817.355	-
- Chi phí khác		74.164.886	450.002.470
Cộng		372.082.082	598.648.611
07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp			
		<u>Năm nay</u>	
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		4.351.273.306	
- Chi phí nhân viên quản lý		2.071.966.628	
- Chi phí vật liệu quản lý		264.864.145	
- Chi phí đồ dùng văn phòng		31.399.844	
- Chi phí khấu hao TSCĐ		133.954.178	
- Thuế, phí và lệ phí		47.512.269	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.242.655.250	
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác		558.920.992	
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh		2.830.828.122	
- Chi phí nhân viên		610.047.474	
- Chi phí vật liệu, bao bì		1.177.877.004	
- Chi phí khấu hao TSCĐ		500.216.004	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		479.018.535	
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác		63.669.105	
Cộng		7.182.101.428	
08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		3.398.363.296	1.922.273.507
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		3.398.363.296	1.922.273.507

HH
 AN
 OAI
 AN
 H
 T
 M
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	11.658.802.141
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.658.802.141
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.214

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	11.658.802.141
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.658.802.141
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.214

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.354.474.504	153.164.833.523
- Chi phí nhân công	16.324.307.260	16.093.806.017
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.845.048.548	8.310.865.342
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.822.268.695	2.696.876.103
- Chi phí khác bằng tiền	4.054.365.602	1.024.906.940
Cộng	138.400.464.609	181.291.287.925

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	23.652.466.363	-
- Bù trừ thuế TNDN và thuế giá trị gia tăng theo Quyết định hoàn thuế	317.059.657	-
- Chuyển nợ thành vốn góp (đã nhận góp vốn trước ngày 18/4/2014)	-	30.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
+Phải thu ngắn hạn khác – Ông Nguyễn Sinh Quyền	3.000.454.150	3.500.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>3.000.454.150</u>	<u>3.500.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	111.000.000
Cộng	<u>111.000.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home
Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây	Công ty liên kết (Chuyển nhượng kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2015)

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục VI.01, còn một số các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		
+ Mua hàng	24.734.462.103	7.116.414.548
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME		
+ Mua hàng	13.260.050.000	7.010.014.250

Tại ngày kết thúc năm tài chính các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.486.756.446	5.572.879.360
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME		
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.998.754.885	1.064.809.885
Cộng nợ phải thu	<u>7.485.511.331</u>	<u>6.637.689.245</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, đệm, chăn;
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại bông, đệm, ruột chăn, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc và gia công hàng may mặc.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

11/07/2020 08:00:00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Đơn vị tính: VND		
	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Lĩnh vực 3 Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	169.363.382.034	119.250.805.594	12.275.758.388
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	155.369.559.756	118.153.303.632	11.949.520.348
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.993.822.278	1.097.501.962	326.238.040
Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	31.125.905.423	818.706.092	84.278.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.514.718.131	687.149.796	643.180.621
Ước lượng năm nay			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.624.131.904	105.565.409.453	9.800.939.459
Tài sản không phân bổ			
Cộng tài sản	207.624.131.904	105.565.409.453	9.800.939.459
Lợi phải trả bộ phận	139.215.652.559	67.220.141.494	10.090.597.472
Lợi phải trả không phân bổ			
Cộng nợ phải trả	139.215.652.559	67.220.141.494	10.090.597.472

Khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Trong lãnh thổ Việt Nam;
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Năm nay

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	261.000.270.323	39.889.675.693	300.889.946.016
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	280.170.886.136	42.819.594.680	322.990.480.816
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	27.782.745.729	4.246.143.943	32.028.889.672

HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Đơn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
tiền và các khoản tương đương tiền	913.219.566	-	913.219.566	922.926.874
phải thu khách hàng và phải thu khác	95.109.856.373	-	95.109.856.373	83.688.423.087
hái thu về cho vay	11.700.000.000	-	11.700.000.000	12.000.000.000
đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	7.060.000.000
đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Tổng	110.723.075.939	-	110.723.075.939	103.671.349.961

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
phải trả cho người bán	22.595.485.838	35.188.436.670	22.595.485.838	35.188.436.670
vay và nợ	181.263.527.870	142.603.445.499	181.263.527.870	142.603.445.499
phí phải trả	274.057.103	259.413.338	274.057.103	259.413.338
các khoản phải trả khác	-	57.200.000	-	57.200.000
Tổng	204.133.070.811	178.108.495.507	204.133.070.811	178.108.495.507

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty TNHH Tuấn Lợi vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn, thu hồi đúng thời hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	22.595.485.838	-	-	22.595.485.838
Vay và nợ	137.677.466.116	43.586.061.754	-	181.263.527.870
Chi phí phải trả	274.057.103	-	-	274.057.103
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	160.547.009.057	43.586.061.754	-	204.133.070.811
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	35.188.436.670	-	-	35.188.436.670
Vay và nợ	90.474.994.577	52.128.450.922	-	142.603.445.499
Chi phí phải trả	259.413.338	-	-	259.413.338
Các khoản phải trả khác	57.200.000	-	-	57.200.000
Cộng	125.980.044.585	52.128.450.922	-	178.108.495.507

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thay đổi chính sách kế toán***Thay đổi chính sách kế toán***

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Điều chỉnh hồi tố

Thu nhập khác và chi phí khác đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn hoặc thấp hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014	Số điều chỉnh	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Thu nhập khác	31	262.273.243	(60.000.000)	202.273.243
Chi phí khác	32	658.648.611	(60.000.000)	598.648.611

H/PH
 NH
 V
 AN
 FO
 AN
 T
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**09. Thông tin so sánh**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tổng hợp trên Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014 (giai đoạn Công ty TNHH MTV) và Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (giai đoạn Công ty Cổ phần) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Cho vay ngắn hạn	12.000.000.000	Đầu tư ngắn hạn	121	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135
2	Tạm ứng	3.522.189.611	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Doanh thu chưa thực hiện	669.862.733	Doanh thu chưa thực hiện	338	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

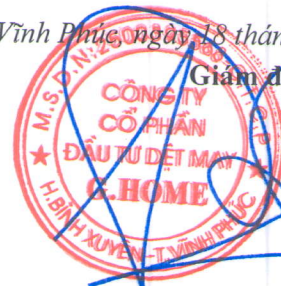
Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền

